

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ HK 2 - NĂM HỌC 2022-2023

STT	MÃ SV	Họ và tên	Lớp đang học	Ngày sinh	Đối tượng	Học phí HK1	Mức hưởng	Mức nhận tiền SV để nhận HK 1	Số tiền sinh viên đã nộp HK1	HP Sau khi giảm	Số tiền SV phải nộp sau khi giảm HP HK 1	Cộng tự miễn giảm HP HK1	HP HK 2 SV đã đóng	HP Sau khi giảm	Sinh viên phải đóng HP HK 2	Thực lĩnh HK 2	Học phí HK 3	Sinh viên phải đóng HP HK 3	Sinh viên thực lĩnh sau khi khấu trừ HP
1	1951010274	Nguyễn Thị Thanh Thuý	19DHQTC2	26/09/2001	Còn bệnh binh	15,274,000	100%	15,274,000					7,735,000			7,735,000	-	-	7,735,000
2	1951010011	Hoàng Diễm Quỳnh	19DHQTVT1	17/08/2001	Còn bệnh binh	10,115,000	100%	10,115,000					5,950,000			5,950,000	-	-	5,950,000
3	1951010384	Nguyễn Đan Ngọc	19DHQTVT03	21/03/2001	Còn thương binh	11,900,000	100%	11,900,000					5,950,000			5,950,000	-	-	5,950,000
4	2011150090	Nguyễn Thanh Lam	20CDTM01	26/10/2002	Còn thương binh	7,140,000	100%	7,140,000					2,975,000			2,975,000	-	-	2,975,000
5	2011150175	Trần Lê Thủy Dương	20CDTM01	11/01/2002	Còn thương binh	7,140,000	100%	7,140,000					1,785,000			1,785,000	-	-	1,785,000
6	2153410310	Phan Văn Như Quỳnh	21DHQT07	10/08/2003	Còn thương binh	9,723,000	100%	9,723,000					14,336,000			14,336,000	4,030,000	4,030,000	10,306,000
7	2153410358	Nguyễn Huy Thiến	21DHQT08	31/03/2003	Còn thương binh	10,326,000	100%	10,326,000					12,698,000			12,698,000	6,820,000	6,820,000	5,878,000
8	2105130004	Trần Lê Dey	21DHTD01	02/01/2003	Còn thương binh	10,921,000	100%	10,921,000					9,723,000			9,723,000	6,115,000	6,115,000	3,608,000
9	2154810067	Vũ Nguyễn Minh Khuyên	21DHTT02	20/11/2003	Còn thương binh	10,318,000	100%	10,318,000					10,318,000			10,318,000	6,845,000	6,845,000	3,473,000
10	2111010039	Mai Quốc Anh	21CDAN01	27/03/2003	Còn thương binh	12,110,000	100%	12,110,000					9,520,000			9,520,000	5,940,000	5,940,000	3,380,000
11	2153410211	Đặng Lê Anh Thư	21DHQT05	07/11/2003	Còn thương binh	10,320,000	100%	10,320,000					14,336,000			14,336,000	3,720,000	3,720,000	10,616,000
12	2258130090	Nguyễn Thị Thảo Mai	22DHDKL02	30/06/2004	Còn thương binh	16,160,000	100%	16,160,000					13,890,000			13,890,000	5,270,000	5,270,000	8,620,000
13	2252210082	Nguyễn Văn Nhì	22DHN02	20/09/2004	Còn thương binh	14,100,000	100%	14,100,000					14,030,000			14,030,000	3,410,000	3,410,000	10,620,000
14	2254810089	Nguyễn Hoàng Trung Nguyễn	22DHTT02	10/07/2004	Còn thương binh	14,670,000	100%	14,670,000					12,260,000			12,260,000	5,185,000	5,185,000	7,075,000
15	2201150052	Bùi Thị Ngọc Yên	22CDTM02	10/09/2004	Còn thương binh	14,180,000	100%	14,180,000					14,450,000			14,450,000	2,925,000	2,925,000	11,525,000
16	2201150079	Trần Vũ Nhật Luân	22CDTM02	04/04/2004	Còn thương binh	14,180,000	100%	14,180,000					11,900,000			11,900,000	2,925,000	2,925,000	8,975,000
18	2253410071	Thái Nguyễn Phương Dung	22DHQT02	14/07/2004	Còn thương binh	14,460,000	100%	14,460,000					8,220,000			8,220,000	3,100,000	3,100,000	5,120,000
17	2258130079	Lê Tú Uyên	22DHDKL02	07/01/2003	Còn thương binh	16,160,000	100%	-					16,440,000			16,440,000	5,270,000	5,270,000	11,170,000
19	2250000154	Lê Trung Nghĩa	22DHXD01	31/01/2004	Còn thương binh	10,318,000	100%	-					10,318,000			10,318,000	3,210,000	3,210,000	7,108,000
20	2254810228	Nguyễn Thị Thương	22DHTT05	13/11/2004	Sinh viên khuyết tật	14,670,000	100%	14,670,000					12,260,000			12,260,000	6,115,000	6,115,000	6,145,000
21	1951010120	Ngân Thị Lê	19DHQTDL	08/03/2001	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	8,485,000	100%	8,485,000					9,373,000			9,373,000	-	-	9,373,000
22	1951010261	Điền Thị Lý	19DHQTVT03	20/03/2000	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	8,925,000	100%	8,925,000					5,950,000			5,950,000	-	-	5,950,000
23	2051010296	Trần Thị Thủy Vy	20DHQT05	18/09/2002	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	9,968,000	100%	9,968,000					10,710,000			10,710,000	6,510,000	6,510,000	4,200,000
24	2051010391	Ngô Thơm	20DHQTDL	15/01/2002	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	12,943,000	100%	12,943,000					8,925,000			8,925,000	6,510,000	6,510,000	2,415,000
25	2051010083	Vị Thị Thái	20DHQTVT01	21/12/2002	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	9,520,000	100%	9,520,000					11,158,000			11,158,000	5,890,000	5,890,000	5,268,000
26	2253410355	Kiều HP Liên	22DHQT04	21/02/2003	Dẫn tặc thiếu số thuộc bộ Cảnh Sát	14,460,000	100%	14,460,000					15,240,000			15,240,000	4,650,000	4,650,000	10,590,000
27	2158420026	Lê Hoàng Mai	21DHKL01	07/06/2003	Dẫn tặc thiếu số thuộc xã Khu vực 3 vùng dân tộc và miền núi	13,146,000	70%	5,202,200	3,943,800	7,618,000	2,283,000	1,660,800	11,956,000	9,256,000	2,776,800	10,840,000	4,470,000	1,341,000	9,499,000
28	2153410220	Nông Đình Nhân Thư	21DHQT05	31/08/2003	Dẫn tặc thiếu số thuộc xã Khu vực 3 vùng dân tộc và miền núi	8,085,000	70%	5,659,500	2,425,500	4,340,000	1,302,000	1,123,500	14,336,000	7,750,000	2,325,000	13,134,500	4,650,000	1,395,000	11,739,500
29	1953020039	Trần Tuấn Khải	19GHDTH1	12/05/2001	Còn cựu người tị nạn lao động	10,563,000	50%	5,281,500	5,281,500	7,155,000	3,577,500	1,794,000	10,612,000	7,280,000	3,630,000	8,686,000	6,225,000	3,112,500	5,573,500
30	1951010046	Phạm Phương Anh	19DHQTC01	21/04/2001	Còn cựu người tị nạn lao động	9,520,000	50%	4,760,000	4,760,000	4,960,000	2,480,000	2,280,000	5,960,000	3,100,000	1,550,000	6,690,000	-	-	6,690,000
31	2011210048	Nguyễn Xuân Lộc	20CDKL01	03/02/2000	Còn cựu người tị nạn lao động	11,900,000	50%	5,950,000	5,950,000	5,300,000	2,650,000	3,300,000	7,735,000	3,445,000	1,722,500	9,312,500	5,580,000	2,790,000	6,522,500
32	2153410218	Đỗ Khánh Linh	21DHQT05	14/08/2003	Còn cựu người tị nạn lao động	11,361,000	50%	5,680,500	5,680,500	6,200,000	3,100,000	2,580,500	11,080,000	5,090,000	2,945,000	10,895,500	5,580,000	2,790,000	7,905,500
33	2258130089	Lê Thị Kim Nguyễn	22DHDKL02	26/12/2004	Còn cựu người tị nạn lao động	16,160,000	50%	8,080,000	8,080,000	6,200,000	3,100,000	4,980,000	9,990,000	3,720,000	1,860,000	13,110,000	5,270,000	2,635,000	10,475,000
34	2252210002	Nguyễn Thị Hằng	22DHN01	25/08/2004	Còn cựu người tị nạn lao động	14,100,000	50%	7,050,000	7,050,000	5,270,000	2,635,000	4,415,000	16,580,000	6,200,000	3,100,000	17,895,000	3,410,000	1,705,000	16,190,000
		Tổng cộng:																	258,685,000
		<i>Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng.</i>																	

Chú thích: Cột cộng tự miễn giảm HP nêu dương nghĩa là trường có no sinh viên, ngược lại nếu âm thì sinh viên phải hoàn trả cho trường.